

Bản án số: **371/2022/DS-ST**

Ngày: 28/9/2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thùy Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Quang Liêm  
2. Bà Trần Quang Cảnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Bích Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T:** Bà Phạm Thị Diệu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 207/2022/DSST ngày 13 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 594/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 702/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần Q;

Trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, Tòa nhà S - Số 111A đường P, phường B, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tiến N; Địa chỉ liên hệ: Tầng 6, Tòa nhà P - Số 26 đường U, Phường H, quận B, Thành phố H (*Văn bản ủy quyền số 074208.22 ngày 11/7/2022*). (*Ông N có mặt*)

**- Bị đơn:** Ông Bùi Ngọc H, sinh năm 1981; (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 710/70/42 đường L, phường T, quận T, Thành phố H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 13/7/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng thương mại cổ phần Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Bùi Ngọc H đã ký kết Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 6654338.20 ngày 17/01/2020 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2075513.20 ngày 17/01/2020 với nội dung:

- Khoản vay: 456.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi sáu triệu đồng*).

- Thời hạn vay: 84 tháng, kể từ ngày 18/01/2020 đến ngày 17/01/2027.
- Mục đích giải ngân: Vay mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios G.
- Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,6%/năm trong 12 tháng đầu tiên. Sau đó, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,1%/năm.
- Hoàn trả khoản vay gốc: hàng tháng vào ngày 20, mỗi tháng trả 5.429.000 đồng, tháng cuối cùng trả 5.393.000 đồng. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 20/02/2020.
- Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 20;
- Trả phí: theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ;
- Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Ngân hàng đã giải ngân cho ông Bùi Ngọc H số tiền 456.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng, phù hợp với Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Bùi Ngọc H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Do đó, từ ngày 10/12/2020 Ngân hàng đã chuyển số dư nợ của khoản vay của ông Bùi Ngọc H thành khoản nợ quá hạn.

Tính đến ngày 31/7/2020, ông Bùi Ngọc H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 59.125.779 đồng (trong đó: nợ gốc là 37.474.000 đồng và nợ lãi là 21.651.779 đồng).

Tính đến ngày 28/9/2022, ông H còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 418.526.000 đồng;
- Lãi trong hạn: 17.694.749 đồng.
- Lãi quá hạn: 148.942.940 đồng.

Tổng cộng: 585.163.689 (*Bằng chữ: Năm trăm tám mươi lăm triệu một trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng*).

Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, làm việc với ông H, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần Q yêu cầu ông Bùi Ngọc H trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/9/2022 là 585.163.689 (*Bằng chữ: Năm trăm tám mươi lăm triệu một trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng*). Đồng thời có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng. Yêu cầu thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ.

Tòa án nhân dân quận T đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 22/7/2022 và ngày 15/8/2022 để các đương sự giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, bị đơn ông Bùi Ngọc H vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

*Tại phiên tòa xét xử:*

- Ngân hàng thương mại cổ phần Q (do ông Phạm Tiến Nghĩa là đại diện theo ủy quyền) trình bày ý kiến, yêu cầu ông Bùi Ngọc H trả ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q tổng số tiền tính đến ngày 28/9/2022 là 585.163.689 (*Bằng chữ: Năm trăm tám mươi lăm triệu một trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng*), trong đó: nợ gốc là 418.526.000 đồng, lãi trong hạn là 17.694.749 đồng và lãi quá hạn là 148.942.940 đồng. Đồng thời có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Yêu cầu thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ.

- Bị đơn ông Bùi Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Nhận thấy, căn cứ Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 2075513.20 ngày 17/01/2020; Hợp đồng tín dụng (Mua ô tô tiêu dùng) số 6654338.20 ngày 17/01/2020 thì ông H có vay Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền 456.000.000 đồng. Tạm tính đến ngày 26/6/2021, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 59.125.779 đồng (trong đó: gốc là 37.474.000 đồng, lãi là 21.651.779 đồng), sau đó ông H không tiếp tục thanh toán tiền cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở. Tính đến ngày 28/9/2022, dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 6654338.20 ngày 17/01/2020 của ông H còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền là 585.163.689 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm tám mươi lăm triệu một trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng*), trong đó bao gồm: nợ gốc là 418.526.000 đồng, lãi trong hạn là 17.694.749 đồng, lãi quá hạn là 148.942.940 đồng. Vì ông H vi phạm hợp đồng tín dụng nên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q. Do đó căn cứ Điều 351, 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

*[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Hội đồng xét xử xét thấy tại Đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q, Hợp đồng tín dụng cho vay mua ô tô số 6654338.20 ngày

17/01/2020 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2075513.20 ngày 17/01/2020. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Do bị đơn ông Bùi Ngọc H có nơi cư trú tại quận T nên Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, trong thời hạn khởi kiện và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

*[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự:*

Bị đơn ông Bùi Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179, Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Bùi Ngọc H.

*[3] Về yêu cầu của các đương sự:*

- Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 585.163.689 (trong đó: nợ gốc là 418.526.000 đồng, lãi trong hạn là 17.694.749 đồng và lãi quá hạn là 148.942.940 đồng)

Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng đối với bị đơn trong vụ án theo quy định tại các Điều 170, Điều 171, Điều 172 và Điều 173 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến khi nhận được thông báo thụ lý vụ án được quy định tại Điều 199 và thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì “*đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì “*một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án. Căn cứ Hợp đồng tín dụng cho vay mua ô tô số 6654338.20 ngày 17/01/2020 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2075513.20 ngày 17/01/2020 ông H đã ký với Ngân hàng thì hình thức và nội dung sự thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Ngân hàng và ông H đã thỏa thuận về việc cho vay số tiền 456.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân (mua xe ô tô), lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,6%/năm. Thực hiện hợp đồng, ông H đã được giải ngân số tiền 456.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng, phù hợp với Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ. Ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 59.125.779 đồng (trong đó: nợ gốc là 37.474.000 đồng và nợ lãi là 21.651.779 đồng). Trong việc thực hiện hợp đồng trên, ông H là bên vi phạm hợp đồng, không trả nợ đúng hạn quy định trong hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 10/12/2020, Ngân hàng đã chuyển dư nợ khoản vay của ông H thành khoản nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán số

tiền tạm tính đến ngày 28/9/2022 là 585.163.689 (trong đó: nợ gốc là 418.526.000 đồng, lãi trong hạn là 17.694.749 đồng và lãi quá hạn là 148.942.940 đồng) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

- Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ.

Do ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông H thanh toán số tiền 585.163.689 một lần khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 351 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ chấp nhận.

- Xét nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ trên.

Xét hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên có thỏa thuận rõ lãi suất, ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông H phải trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu ông H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ trên là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

**Căn cứ:** Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 196, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 233 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Áp dụng:**

- Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q.**

Buộc bị đơn ông Bùi Ngọc H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng cho vay mua ô tô số 6654338.20 ngày 17/01/2020 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2075513.20 ngày 17/01/2020, tính đến ngày 28/9/2022 là 585.163.689 (*Bằng chữ: Năm trăm tám mươi lăm triệu một trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng*). Trong đó:

- Nợ gốc: 418.526.000 đồng;
- Lãi trong hạn: 17.694.749 đồng
- Lãi quá hạn: 148.942.940 đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 29/9/2022 cho đến khi thi hành án xong, ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Ông Bùi Ngọc H phải chịu số tiền 27.406.548 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí 11.529.996 đồng (*Bằng chữ: Mười một triệu năm trăm hai mươi chín nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng*) theo Biên lai thu số 0035744 ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận T.

**3. Địa điểm thi hành:**

Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**4. Quyền kháng cáo:**

Ngân hàng thương mại cổ phần Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Bùi Ngọc H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND Thành phố H;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Thùy Trang**